

Bản án số: 20/2024/KDTM-ST

Ngày 03-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Ông Từ Anh Tuấn.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2024/TLST- KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng gia công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn C; trụ sở: Số D đường số B, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trần Đăng M, sinh năm 1979; địa chỉ: H N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024), vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Q; địa chỉ: T đất số 370-373, tờ bản đồ số 10, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Bà Nguyễn Đào Lâm U, sinh năm 1989; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q), vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn C do ông Trần Đăng M đại diện trình bày:

Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q) có thỏa thuận về việc Công ty C sẽ gia công hàng hóa là xi mạ mặt hàng ngũ kim cho Công ty Q theo từng đơn đặt hàng thực tế của Công ty Q. Do quen biết nên hai bên không có lập hợp đồng gia công mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau theo từng đơn hàng.

Từ năm 2021 đến năm 2022, Công ty C đã gia công, giao hàng nhiều lần theo từng đơn hàng và đã xuất 05 hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty Q, cụ thể như sau:

- Ngày 22/02/2021: Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000270 với nội dung thể hiện giá trị tiền gia công xi niken thanh sắt cho Công ty Q là 289.513.719 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Ngày 09/3/2021: Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000285 với nội dung thể hiện giá trị tiền gia công xi niken thanh sắt cho Công ty Q là 67.120.061 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Ngày 11/5/2021: Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000386 với nội dung thể hiện giá trị tiền gia công xi crom và xi niken cho Công ty Q là 73.529.024 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Ngày 07/6/2021: Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000395 với nội dung thể hiện giá trị tiền gia công xi crom và xi niken cho Công ty Q là 131.312.617 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

- Ngày 04/01/2022: Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000525 với nội dung thể hiện giá trị tiền gia công xi mạ khung sắt cho Công ty Q là 6.318.730 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Thời hạn thanh toán công nợ theo thỏa thuận miệng là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hai bên chốt công nợ và xuất hoá đơn. Sau khi xuất hóa đơn, Công ty C đã nhiều lần liên hệ để hai bên chốt công nợ nhưng Công ty Q không hợp tác và cũng không có thiện chí thanh toán.

Ngày 18/10/2022 Công ty C có gửi Công văn số 03/2022/TB về việc Công ty C đề nghị Công ty Q thanh toán công nợ còn thiếu 567.794.151 đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo này tính theo dấu bưu điện. Tuy nhiên, đến nay Công ty Q vẫn không thanh toán số tiền này. Nay Công ty C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C tổng số tiền 657.098.057 đồng, trong đó tiền gia công hàng hoá còn thiếu là 567.794.151 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân

hàng TMCP N; Ngân hàng TMCP C1 và Ngân hàng N1 kể từ ngày 30/10/2022 cho đến ngày 03/5/2023 (552 ngày), lãi suất nợ quá hạn trung bình là 10,4%/năm, cụ thể như sau:  $567.794.151 \text{ đồng} \times 10,4\%/365 \text{ ngày} \times 552 \text{ ngày} = 89.303.906 \text{ đồng}$ .

*- Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Q có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn Q không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc gia công hàng hóa, việc trả tiền hàng và lãi cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q.

*- Tại Công văn số 430/ĐKKD ngày 28/3/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp thông tin:*

Công ty TNHH Q, mã số doanh nghiệp C2; đăng ký lần đầu ngày 22/01/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/01/2021; địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 370-373, tờ bản đồ số 10, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: (Bà) Nguyễn Đào Lâm U; Chức danh: Giám đốc.

Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động.

Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q

nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết.

Nguyên đơn trình bày nguyên đơn có thoả thuận gia công hàng hoá là xi mạ mặt hàng ngũ kim với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q. Việc thoả thuận này không có lập hợp đồng mà chỉ thoả thuận miệng theo từng đơn hàng. Từ năm 2021 đến đầu năm 2022, Công ty C đã gia công hàng hóa theo các đơn hàng cho bị đơn và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000270 ngày 22/02/2021, 0000285 ngày 09/3/2021, 0000368 ngày 11/5/2021, 0000395 ngày 07/6/2021 và 0000525 ngày 04/01/2022 với tổng giá trị tiền gia công là 567.794.151 đồng. Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ gồm Phiếu gia công, Phiếu xuất hàng và Phiếu ủy thác gia công thể hiện việc gia công hàng hóa của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch hợp đồng gia công giữa Công ty C với Công ty Q là có thật.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ gia công với tổng giá trị tiền gia công 567.794.151 đồng được thể hiện hóa đơn giá trị gia tăng số 0000270 ngày 22/02/202, 0000285 ngày 09/3/2021, 0000368 ngày 11/5/2021, 0000395 ngày 07/6/2021 và 0000525 ngày 04/01/2022. Nguyên đơn xác định thời hạn thanh toán công nợ theo thoả thuận miệng của các bên là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hai bên chốt công nợ và xuất hoá đơn. Tuy nhiên, Công ty Q không hợp tác chốt công nợ và cũng không có thiện chí thanh toán. Ngày 18/10/2022 Công ty C gửi Công văn số 03/2022/TB về việc Công ty C đề nghị Công ty Q thanh toán tiền gia công hàng hoá 567.794.151 đồng còn thiếu trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo này tính theo dấu bưu điện. Tuy nhiên, đến nay Công ty Q vẫn không thanh toán số tiền 567.794.151 đồng (1) còn nợ. Quá trình tố tụng, bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ gì phản đối số tiền nợ này nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi chậm thanh toán:

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác”* và mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo thông báo lãi suất cho vay số 05/NBD.LSCVSME2022 ngày 11/12/2023 của Ngân hàng TMCP N là 5,3%/năm; Công văn số 41/CV-CNHCNBD-TH ngày 11/01/2024 của Ngân hàng TMCP C1 là 9%/năm; Công văn số 14/NHNo.ST-KHNV ngày 11/01/2024 của Ngân hàng N1 là 6,5%/năm thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường trên cơ sở mức lãi suất cho vay ngắn hạn của 03 Ngân hàng là:  $(5,3\%/năm + 9\%/năm + 6,5\%/năm) \times 150\% = 10,4\%/năm$ . Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 10,4%/năm bằng với mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên phía nguyên đơn xác định thời hạn thanh toán công nợ theo thỏa thuận miệng của các bên là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hai bên chốt công nợ và xuất hoá đơn. Tuy nhiên, sau khi F xuất hóa đơn, Công ty Q không hợp tác chốt công nợ và cũng không có thiện chí thanh toán. Ngày 18/10/2022 Công ty C đã gửi Công văn số 03/2022/TB về việc Công ty C đề nghị Công ty Q thanh toán tiền gia công hàng hoá còn thiếu 567.794.151 đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo này tính theo dấu bưu điện. Nguyên đơn cung cấp tài liệu bị đơn nhận được Công văn số 03/2022/TB là vào ngày 19/10/2022. Do đó, tính thời hạn theo thông báo thì hạn chót đến ngày 29/10/2022 bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 567.794.151 đồng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ ngày 30/10/2022 đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, thời điểm tính lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu từ ngày 30/10/2022 đến ngày 03/5/2024 là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi chậm trả bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:  $567.794.151 \text{ đồng} \times 10,4\%/365 \text{ ngày} \times 552 \text{ ngày} = 89.303.906 \text{ đồng} (2)$ .

[5] Như vậy, tổng số tiền bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là:  $(1) + (2) = 657.098.057 \text{ đồng}$ .

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Q phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty C theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 542, 544 và 552 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn C đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C tổng số tiền 657.098.057 (sáu trăm năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q phải chịu 30.283.922 (ba mươi triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai) đồng. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền 15.059.265 (mười lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004434 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02);
- VKSND TP. Dĩ An (01);
- CC THADS TP. Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Mai**